

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/ HNGĐ-PT

Ngày: 15-9-2017

V/v: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Ông Lê Văn Quý.

Bà Võ Thị Thanh Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2017/TLPT-HNGĐ ngày 15/8/2017 về việc: “*Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con*”.

Do bản án hôn nhân gia đình số 20/2017/HNGĐ-ST ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2017/QĐ-PT, ngày 24/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nhữ Năm D, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: xã G, huyện H, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Lý Pạt M, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: xã G, huyện H, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

- Người phiên dịch: Anh Thông Cống H, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: xã X, huyện H, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn chị Lý Pạt M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nhữ Năm D trình bày:

Anh và chị M tự nguyện sống chung với nhau năm 2005, đến ngày 03/4/2006 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh sinh sống, làm rẫy ở thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Lâm Đồng và tại xã G, huyện H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 02/2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng đi làm nên gửi con ở nhà cha mẹ ruột anh ở xã L, huyện H, giữa chị M và gia đình anh có xảy ra mâu thuẫn trong việc chăm sóc con của anh, chị. Ngoài ra, trong cuộc sống hằng ngày thì vợ chồng anh cũng hay cãi nhau vì những việc sinh hoạt trong gia đình, chị M thường bỏ nhà đi về nhà mẹ ruột chị M ở xã G, huyện H, tỉnh Đồng Nai. Đến tháng 11/2015, sau khi vợ chồng cãi nhau thì chị M bỏ nhà đi hẳn không về, anh có nhờ gia đình hai bên và ban ấp can thiệp, chị M có hứa là sẽ quay về nhưng thực tế là chị M không về vì không còn muốn ở chung với anh nữa. Trong thời gian vợ chồng ly thân thì chị M không còn quan tâm, chăm sóc anh và các con nên tình cảm vợ chồng anh chị không còn. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lý Pạt M.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là Nhữn Thành Đ, sinh ngày 01/01/2006 và Nhữn Tú T, sinh ngày 09/9/2007 hiện đang sống chung với cha mẹ anh tại xã L, huyện H. Anh có thu nhập ổn định khoảng 10.000.000đ/tháng, thường xuyên đến thăm nom con chung và cả 02 con chung đều có ý kiến được ở với anh, còn chị M từ khi bỏ đi đến nay không đến thăm con. Vì vậy, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tham gia tố tụng, chị Lý Pạt M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nhữn Năm D tự nguyện sống chung với nhau năm 2005 và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/4/2006. Hai vợ chồng sống chung với nhau tại xã G, huyện H, tỉnh Đồng Nai từ năm 2005 đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D gia trưởng, độc đoán quyết định mọi công việc trong gia đình không cho chị tham gia ý kiến. Chị sống chung với anh D nhưng không có vai trò trong việc xây dựng gia đình. Mâu thuẫn của vợ chồng thì có được hai bên gia đình hòa giải nhưng không hòa hợp nên không trở về sống với nhau được. Chị và anh Nhữn Năm D đã sống ly thân từ tháng 11/2015 cho đến nay và chị cũng không muốn quay về sống chung với anh D nữa. Tuy nhiên chị chỉ đồng ý ly hôn với anh D nếu anh D chia tài sản chung cho chị và giao 01 con chung cho chị nuôi dưỡng.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nhữn Thành Đ – sinh ngày 01/01/2006, Nhữn Tú T – sinh ngày 09/9/2007. Hiện nay, chị làm công nhân ở tỉnh Bình Dương, thu nhập 5.000.000đ/tháng và chị có điện thoại liên lạc với các con nhưng cha mẹ anh D không cho chị gặp con. Vì vậy, trong trường hợp ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nhữn Tú T và đồng ý giao con chung tên Nhữn Thành Đ cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 thửa đất rẫy có diện tích khoảng 01 mẫu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trị giá khoảng 160.000.000đ tại thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Lâm Đồng. Hai vợ chồng tự thỏa thuận là tài sản chung và chỉ yêu cầu anh D phải cho chị ½ diện tích đất trên để chị canh tác.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại bản án sơ thẩm số 20/2017/HNGĐ-ST ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán Áp dụng: Khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39, Điều 20, Điều 52, Điều 53, khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nhin Nàm D và chị Lý Pạt M.
2. Về nuôi con chung: Giao cả 02 con chung tên Nhin Thành Đ – sinh ngày 01/01/2006, Nhin Tú T – sinh ngày 09/9/2007 cho anh Nhin Nàm D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M có quyền và nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 200.000đ. Anh Nhin Nàm D phải chịu 200.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 200.000đ tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai số 001192 ngày 27/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được trừ vào số tiền án phí anh D phải chịu. Anh D đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/7/2017, bị đơn chị Lý Pạt M có đơn kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2017/HNGĐ-ST ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán về phần con chung và yêu cầu anh D trả công sức lao động trong thời gian ở nhà chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, anh D và chị M có 02 con chung là Nhin Thành Đ – sinh ngày 01/01/2006 và Nhin Tú T – sinh ngày 09/9/2007, cả hai cháu Đ và T hiện đang ở với cha mẹ anh D tại xã G, huyện H, đang học tại Trường tiểu học Thanh Sơn và cùng có nguyện vọng được ở với anh D. Anh D có thu nhập ổn định khoảng 10.000.000đ/tháng, thường xuyên đến thăm nom, chăm sóc con chung tại xã G; chị M hiện không có chỗ ở ổn định, thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng và chưa lần nào về nhà cha mẹ chồng thăm con. Tòa án cấp sơ thẩm giao hai cháu Đ và T cho anh D trực tiếp nuôi là có căn cứ. Vì

vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị M, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao cháu T cho anh D trực tiếp nuôi.

Đối với việc chị M yêu cầu anh D trả công sức lao động trong thời gian 11 năm ở nhà chồng, tại Tòa án cấp sơ thẩm chị M không yêu cầu và Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết nên không có cơ sở để xem xét, chị M có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Lý Pạt M trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Anh Nhữ Năm D và chị Lý Pạt M có 02 con chung là Nhữ Thành Đ – sinh ngày 01/01/2006 và Nhữ Tú T – sinh ngày 09/9/2007. Cả hai cháu Đ và T hiện đang ở với cha mẹ anh D tại xã G, huyện H, đang học tại Trường tiểu học Thanh Sơn và cùng có nguyện vọng được ở với anh D. Anh D làm rẫy cà phê thu nhập ổn định khoảng 10.000.000đ/tháng, có tư cách đạo đức tốt, thường xuyên đến thăm nom, chăm sóc con chung tại xã L. Chị M hiện tại không có chỗ ở ổn định, đi làm thuê, làm công nhân thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng và chưa lần nào về nhà cha mẹ chồng thăm con. Tòa án cấp sơ thẩm giao hai cháu Đ và T cho anh D trực tiếp nuôi là có căn cứ, đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Chị M kháng cáo yêu cầu được nuôi cháu T là để phụng dưỡng cho chị là mẹ lúc tuổi già yếu chứ không phải vì quyền lợi của cháu. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị M, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao cháu T cho anh D trực tiếp nuôi, tạm thời chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với việc chị M yêu cầu anh D trả công sức lao động trong thời gian ở nhà chồng, tại Tòa án cấp sơ thẩm chị M không yêu cầu và Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết nên không có cơ sở để cấp phúc thẩm xem xét, chị M có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Lý Pạt M phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nhữ Năm D và chị Lý Pạt M.
2. Về con chung: Giao cháu Nhữ Thành Đ – sinh ngày 01/01/2006 và cháu Nhữ Tú T – sinh ngày 09/9/2007 cho anh Nhữ Năm D trực tiếp nuôi, tạm thời chị Lý Pạt M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lý Pạt M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nhữ Năm D phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 200.000đ anh D đã nộp theo biên lai thu số 001192 ngày 27/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được trừ vào tiền án phí anh D phải nộp.

Chị Lý Pạt M phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 200.000đ chị M đã nộp theo biên lai thu số 004358 ngày 28/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, chị M còn phải nộp tiếp 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND huyện H;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Nhu

